

Bản án số: 43/2020/DS-PT

Ngày: 16/01/2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đắc Phú

Các Thẩm phán: 1/ Ông Uông Văn Tuấn
2/ Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 và 16 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2019/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo ngày 25/9/2019 và ngày 26/9/2019.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5732/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15086/2019/QĐ-PT ngày 17/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoàng S, sinh năm 1969 (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2015)

Địa chỉ: Phòng 06.53 tầng 6, Tòa nhà R, đường V, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A

Trụ sở: Tòa nhà Saigon Centre Tháp 2, đường L, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1988 (Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2015)

Địa chỉ liên lạc: Tầng 15 Tòa nhà Saigon Centre Tháp 2, đường L, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Trương Thị H – Luật sư Văn phòng Luật sư Trương Thị H.

Địa chỉ: Đường D, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Hoàng S (Văn bản ủy quyền lập ngày 24/6/2016)

2/ Bà Hồ Thị H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh B.

3/ Ông Nguyễn Sơn Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và đại diện theo ủy quyền – ông Phạm Hoàng S trình bày trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

[1]. Được sự hướng dẫn và giải thích của bà Hồ Thị H (bà H) – Đại lý Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A (Công ty A), bà Nguyễn Thị B (bà B) có mua bảo hiểm nhân thọ cho chồng bà là ông Nguyễn Hữu T (ông T) theo hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm **số U, mã số LL02**, sản phẩm bảo hiểm An Phúc trọn đời ưu việt (hợp đồng bảo hiểm) của Công ty A. Hợp đồng được xác lập ngày 30/7/2014 bởi Tổng giám đốc Stephen James Clark của Công ty A thông qua Giấy chứng nhận bảo hiểm. Tại khoản 1.5 Điều 1 Quy tắc Điều khoản sản phẩm bảo hiểm thì Giấy chứng nhận bảo hiểm được hiểu là văn bản chấp thuận bảo hiểm của Công ty A, thể hiện các thông tin chính về các quyền lợi bảo hiểm và là một phần không tách rời của hợp đồng bảo hiểm.

Ngày 04/10/2014, ông T - chồng bà B chết do bị tai nạn, ngã chấn thương sọ não theo giấy chứng tử số 52/2014, quyền số 01/2014 do UBND xã H, huyện N, tỉnh B cấp. Căn cứ vào nội dung trong hợp đồng bảo hiểm số U nêu trên, bà B yêu cầu được bồi thường bảo hiểm số tiền là 400.000.000 đồng thì bị Công ty A từ chối chi trả.

Nay, bà B yêu cầu bị đơn như sau: Căn cứ tại khoản 7.2 và 7.4 Quy tắc Điều khoản sản phẩm bảo hiểm An phúc trọn đời ưu việt buộc Công ty A bồi thường số tiền bảo hiểm 400.000.000 đồng theo hợp đồng bảo hiểm số U, mã số L002 đã ký kết giữa hai bên.

[2]. Bị đơn Công ty TNHH A có ông Nguyễn Trung H trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 30/7/2014, bà B đã lập hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và gửi đến Công ty A đề nghị tham gia sản phẩm “An phúc trọn đời ưu việt” với số tiền bảo hiểm là 200.000.000 đồng. Theo đó, bên mua bảo hiểm là bà B và người được bảo hiểm là ông T - chồng bà B. Căn cứ vào các thông tin được khai báo trên hồ sơ yêu cầu bảo hiểm Công ty A đã chấp thuận bảo hiểm và phát hành hợp đồng bảo hiểm số U có hiệu lực kể từ ngày 30/7/2014. Ngày 04/10/2014, ông Nguyễn

Hữu T chết. Ngày 13/10/2014, Công A nhận được đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm tử vong do bà B lập.

Trong quá trình xem xét giải quyết quyền lợi bảo hiểm tử vong của hợp đồng U, Công ty A phát hiện chữ ký của Bên mua bảo hiểm trên hồ sơ yêu cầu bảo hiểm không phải là chữ ký của bà B và chữ ký của người mua bảo hiểm trên hồ sơ yêu cầu bảo hiểm cũng không phải là chữ ký của ông T. Nói cách khác, người thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm Công ty A không phải là bà B và việc mua bảo hiểm cho tính mạng của ông T cũng không được sự đồng ý bằng văn bản của ông T.

Bên cạnh đó, Điều 2.3 Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm của hợp đồng U cũng quy định “Công ty sẽ không chấp nhận bảo hiểm nếu không nhận được sự đồng ý bằng văn bản của người được bảo hiểm, hoặc cha mẹ, người giám hộ hợp pháp của người được bảo hiểm trong trường hợp người được bảo hiểm dưới 18 tuổi. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của người được bảo hiểm hoặc cha mẹ, người giám hộ hợp pháp của người được bảo hiểm trong trường hợp người được bảo hiểm dưới 18 tuổi sẽ được xem là sự đồng ý bằng văn bản của người được bảo hiểm”.

Bởi vì bà B, ông T không trực tiếp ký vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, do vậy, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và quy tắc điều khoản sản phẩm, hợp đồng U, mã số LL02 vẫn chưa phát sinh hiệu lực ràng buộc thực hiện đối với các bên. Vì vậy, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và nhằm đảm bảo sự công bằng cho tất cả các khách hàng tham gia bảo hiểm, Công ty A từ chối giải quyết quyền lợi bảo hiểm tử vong của hợp đồng U, mã số LL02 và hoàn lại cho bà B toàn bộ số phí bảo hiểm của hợp đồng này.

Trong quá trình tư vấn giữa bà Hồ Thị H là đại lý của công ty A và gia đình bà Nguyễn Thị B, bà B không trực tiếp ký tên vào hồ sơ mua bảo hiểm mà là ông Q con trai của bà B ký thay bà B, sau đó bà H nộp hồ sơ bảo hiểm lên công ty, chính bà H tự ký tên bà B vào hồ sơ bảo hiểm và bà H dùng tiền của mình để nộp vào Công ty chứ bà B chưa hề nộp tiền mua bảo hiểm. Công ty vẫn cứ nghĩ là hồ sơ bảo hiểm do khách hàng là bà B ký và chính bà B nộp tiền do đó Công ty mới làm hồ sơ bán bảo hiểm cho bà B.

[3]. Tại Bản án dân sự sơ thẩm tuyên xử:

1. Tuyên bố Hợp đồng U, mã số LL02, Sản phẩm bảo hiểm An Phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản xác lập ngày 30/7/2014 giữa bà Nguyễn Thị B và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A là vô hiệu;

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B yêu cầu Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A trả số tiền: 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng tiền bảo hiểm theo Hợp đồng U, mã số LL02, sản phẩm bảo hiểm An Phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản xác lập ngày 30/7/2014 giữa bà Nguyễn Thị B và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A.

Giành quyền khởi kiện cho các bên liên quan khởi kiện tranh chấp về hậu quả dẫn tới hợp đồng bảo hiểm bị vô hiệu và về số tiền 12.500.000 đồng phí bảo

hiểm do bà Hồ Thị H ứng nộp phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm số U, mã số LL02, sản phẩm bảo hiểm An Phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản, xác lập ngày 30/7/2014 giữa bà Nguyễn Thị B và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A.

[4]. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

[5]. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng được qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, áp dụng khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn bà - Nguyễn Thị B và bị đơn - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ A xác lập quan hệ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vào ngày 30/7/2014. Do trong quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh mâu thuẫn nên bà B khởi kiện bị đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm.

Bị đơn là pháp nhân có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ tại Quận I, Tp. Hồ Chí Minh tại thời điểm thụ lý. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.

1.2 Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn - bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Q ủy quyền tham gia tố tụng cho ông S. Bị đơn - Công ty A được phép hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14/7/2008; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC2/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14/7/2008 ngày 04/6/2009, Công ty A ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Trung H. Bị đơn nhờ Luật sư Trương Thị H, Luật sư Văn phòng luật sư Trương Thị H thuộc Đoàn luật sư Tp. Hồ Chí Minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Xét không trái pháp luật, hợp lệ nên chấp nhận. Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, ông Nguyễn Sơn Đ sau khi có lời khai đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng và phiên tòa sơ thẩm, do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1 Về luật áp dụng:

Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ bảo hiểm từ ngày 30/7/2014 do vậy Tòa áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-VPQH ngày 23/7/2013 của Văn phòng Quốc hội để điều chỉnh, giải quyết tranh chấp (Luật Kinh doanh bảo hiểm).

2.2 Về yêu cầu của nguyên đơn:

Vào tháng 7/2014, bà H đã gặp bà B để mời, hướng dẫn, giải thích về các sản phẩm bảo hiểm với tư cách là đại lý bảo hiểm. Do vậy, bà H được xem là đại diện hợp pháp của Công ty A khi giao dịch với bà B. Sau khi tìm hiểu, bà B lập hồ sơ yêu cầu bảo hiểm để tham gia mua bảo hiểm vào ngày 30/7/2014. Căn cứ vào hồ sơ bảo hiểm, bị đơn đã phát hành **Giấy chứng nhận bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm số: U**, mã số LL02 sản phẩm An phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản và các sản phẩm bổ sung: Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo, Hỗ trợ chi phí nằm viện, Miễn thu phí đặc biệt; ngày có hiệu lực: 30/7/2014; ngày hết hạn: 30/7/2062 (riêng sản phẩm Miễn thu phí đặc biệt ngày hết hạn bảo hiểm là ngày 30/7/2028); tổng số tiền bảo hiểm định kỳ năm là 12.500.000 đồng. Như vậy, giữa các bên đã xác lập một quan hệ hợp đồng bảo hiểm con người theo quy định tại Điều 568 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 7 và Điều 31 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Trong vụ án này, các bên tranh chấp yêu cầu bảo hiểm của sản phẩm An phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản, các phần khác của hợp đồng bảo hiểm các bên không tranh chấp.

Ngày 04/10/2014, ông T chồng bà B chết do tai nạn chấn thương sọ não. Căn cứ vào nội dung trong hợp đồng bảo hiểm số U, mã số L002 nêu trên, bà B yêu cầu được bồi thường bảo hiểm số tiền là 400.000.000 đồng thì bị Công ty A từ chối chi trả. Xét lý do từ chối bảo hiểm của Công ty A.

Bị đơn cho rằng: **Chữ ký của bên mua bảo hiểm trên hồ sơ yêu cầu bảo hiểm không phải là chữ ký của bà B và chữ ký của người được bảo hiểm trên hồ sơ yêu cầu bảo hiểm cũng không phải là chữ ký của ông T**; nói cách khác, người thực hiện giao kết hợp đồng bảo hiểm Công ty A không phải là bà B và việc mua bảo hiểm cho tính mạng của ông T cũng không được sự đồng ý bằng văn bản của ông T. Xét: Bà H với tư cách là đại lý của Công ty A đã tiếp xúc với gia đình của bà B, ông T để tư vấn, giải thích về các nội dung của sản phẩm An phúc trọn đời ưu việt và các sản phẩm bổ sung kèm theo. Sau khi tìm hiểu về các sản phẩm bảo hiểm do bà H giới thiệu, lẽ ra nếu đồng ý mua bảo hiểm thì bà B phải trực tiếp điền, ký các nội dung của mẫu “Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm” số 02024716 nhưng đã không thực hiện. Theo sự xác nhận của đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông S, bà H và kết quả giám định của **Phân viện khoa học hình sự tại Tp. Đà Nẵng - Viện khoa học hình sự đã xác định được: Bà H đã tự viết, đánh dấu (tích) vào các ô trong mẫu Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm số 02024716; ở phần chữ ký của người được bảo hiểm và chữ ký của bên mua bảo hiểm ông T, bà B không trực tiếp ký mà ông Q (là con của ông T, bà B) đã ký và viết họ tên của hai người này. Sự việc bà H viết, điền vào hồ sơ**

yêu cầu bảo hiểm cũng như việc ông Q ký thay ông T, bà B diễn ra trước sự chứng kiến của bà B, ông Q, bà H nhưng không có sự chứng kiến của ông T do ông T thời điểm đó đang đi biển. Như vậy xác định được: Bà B thể hiện ý chí là đồng ý mua bảo hiểm cho ông T qua việc chứng kiến con trai là ông Q ký tên mình trên mẫu Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và ông Thành không có mặt tại buổi lập Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và không có chứng cứ nào thể hiện sự việc ông Thành biết bà B, bà H bàn bạc và điền vào mẫu yêu cầu bảo hiểm để mua bảo hiểm cho ông. Sự việc ông T không có mặt vào thời điểm ngày 30/7/2014 khi bà B, bà H bàn bạc, lập hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được ông S là đại diện của bà B, ông Q xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm. Vào ngày 19/8/2014 sau khi nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm Công ty A đã gửi Thư xác nhận chuyển giao hợp đồng có nội dung chính: Sau khi nhận bộ Hợp đồng bảo hiểm này, bà B sẽ kiểm tra các chi tiết được thể hiện trong hồ sơ; nếu có thông tin nào chưa chính xác thì liên hệ Công ty để được giải thích, bà B có 21 ngày để nghiên cứu và chấp thuận hợp đồng... Ở phần chữ ký của người yêu cầu bảo hiểm lẽ ra bà B phải tự ký tên mình nhưng ông Q đã ký tên bà B. Như vậy, tại thời điểm sau khi nhận Thư xác nhận chuyển giao hợp đồng vào ngày 19/8/2014 cũng không có chứng cứ nào xác định được ông T biết được bà B đã mua bảo hiểm cho tính mạng của mình cũng như việc bà B chứng kiến việc ông Q đã ký tên mình trên Thư này. Theo nhận định như trên, khi giao kết hợp đồng bảo hiểm con người, các bên đã không tuân thủ các quy định tại: Điều 2.3 Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm An phúc trọn đời ưu việt của Hợp đồng U, mã số LL02; khoản 1 Điều 38 Luật Bảo hiểm. Mặt khác, bà B cũng không đóng phí bảo hiểm mà bà H đã tự mình ứng số tiền 12.500.000 đồng để đóng cho Công ty A, cũng không có chứng cứ nào thể hiện bà B thỏa thuận vay, mượn số tiền trên để đóng phí bảo hiểm. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của đại diện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng: Người được mua bảo hiểm tính mạng là ông T biết được sự việc được bà B mua bảo hiểm cho mình, bà B đã thể hiện việc đồng ý để ông Q ký thay mình vào Thư xác nhận chuyển giao hợp đồng bảo hiểm cho ông T và bà B thỏa thuận vay, mượn bà H số tiền 12.500.000 đồng để nộp phí mua bảo hiểm.

Xét quan hệ giữa bà H và Công ty A: Bà H và Công ty A xác lập quan hệ đại lý theo Hợp đồng bảo hiểm ngày 23/5/2013, Hồ sơ đại lý có mã số đại lý: 350074320. Việc bà H sau khi tư vấn, giải thích các nội dung của Hợp đồng bảo hiểm đã tự mình điền vào mẫu Phiếu yêu cầu bảo hiểm và để ông Q là người không liên quan đến hợp đồng bảo hiểm ký tên vào chỗ bà B, ông T mà không có sự chứng kiến, ủy quyền của ông T, bà B là vi phạm quy định tại khoản a, b Điều 28; Điều 41; 42 của Hợp đồng đại lý giữa bà H và Công ty A. Chính vì các thông tin sai lệch này Công ty A đã giao kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng bảo hiểm số U, mã số LL02 sản phẩm An phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản và các sản phẩm bổ sung: Bảo hiểm bệnh hiểm nghèo, hỗ trợ chi phí nằm viện, miễn thu phí đặc biệt; ngày có hiệu lực: 30/7/2014. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết mối quan hệ đại lý bảo hiểm giữa bà H và Công ty A do các bên không yêu cầu và ngoài phạm vi xét xử trong vụ án này.

Từ những nhận định như trên đã đủ căn cứ xác định: Hợp đồng bảo hiểm giao kết giữa các bên là vô hiệu do vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005. Lỗi dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu là do bà B và Công ty A (thông qua hành vi của bà H), do đó các bên tự gánh chịu. Nếu sau này có yêu cầu bồi thường thiệt hại sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu. Do hợp đồng bảo hiểm vô hiệu nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt, quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Về số tiền 12.500.000 đồng: Sau khi quyết định từ chối trả tiền bảo hiểm, Công ty A đã hoàn trả số tiền trên cho bà B. Theo lời khai của bà H, ông Đ, đại diện của nguyên đơn đã xác định được bà H, ông Đ đã làm thủ tục để bà H nhận số tiền này và để cản trở vào số tiền 12.500.000 đồng mà bà H ứng tiền trước đó để nộp phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm giữa bà B và Công ty A. Trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà B và ông Q là không có cơ sở chấp nhận. Không chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật .

[4]. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu trên giá trị yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B, ông Q nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ Khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 122; 127; 128; 137; 568; 569 và 570 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Khoản 6 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 7; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 22; Điều 31; khoản 1 Điều 38 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-VPQH ngày 23/7/2013 của Văn phòng Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B ông Nguyễn Thanh Q giữ nguyên án sơ thẩm.

[1]. Tuyên bố Hợp đồng U, mã số LL02, Sản phẩm bảo hiểm An Phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản xác lập ngày 30/7/2014 giữa bà Nguyễn Thị B và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A là vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Thanh Q yêu cầu Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A trả số tiền: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng tiền bảo hiểm theo Hợp đồng U, mã số LL02, sản phẩm bảo hiểm An Phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản xác lập ngày 30/7/2014 giữa bà Nguyễn Thị B và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A.

Giành quyền khởi kiện cho các bên liên quan khởi kiện tranh chấp về hậu quả dẫn tới hợp đồng bảo hiểm bị vô hiệu và về số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) phí bảo hiểm do bà Hồ Thị H ứng nộp phí bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm số U, mã số LL02, sản phẩm bảo hiểm An Phúc trọn đời ưu việt - Quyền lợi cơ bản, xác lập ngày 30/7/2014 giữa bà Nguyễn Thị B và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm :

Bà Nguyễn Thị B phải chịu là: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng được căn trừ với số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng theo biên lai thu số AE/2014/0005191 ngày 01/10/2015 do bà Nguyễn Thị B nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà B phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0005149 ngày 7/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Thanh Q phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0005148 ngày 7/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (20).

Trịnh Đắc Phú

